

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/8/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 138/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1984.

Trú tại: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

-Bị đơn: Ông **Vương Khánh A**, sinh năm 1981.

Trú tại: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Khánh A quen biết, tìm hiểu và quyết định xây dựng gia đình với nhau, trên cơ sở tình yêu tự nguyện có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/01/2008.

Bà H xác định sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình nhau, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau nên xảy ra cãi vã. Ông Vương Khánh A không có trách nhiệm với gia đình và con cái. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hòa giải nên Bà H có nguyện vọng ly hôn với ông Vương Khánh A.

Ông A xác định sau khi về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và chỉ xảy ra mâu thuẫn nhỏ, không đáng để ly hôn nên Ông A không đồng ý ly hôn với Bà H.

Về con chung: Quá trình chung sống, Bà H và Ông A sinh được 02 (hai) con chung là Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 và Vương Khả Khánh T, sinh ngày 08/8/2013. Bà H và Ông A thống nhất trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì

giao 02 con chung Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 và Vương Khả Khánh T, sinh ngày 08/8/2013 cho Bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 20/6/2018 cháu Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 có nguyện vọng ở với mẹ.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Bà H không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà H và Ông A tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết.

Ngày 26/7/2018, Tòa án nhân dân huyện E mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn ông Vương Khánh A vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Ông A theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vương Khánh A; Về con chung: chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao 02 (hai) con chung Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 và Vương Khả Khánh T, sinh ngày 08/8/2013 cho Bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Đồng thời, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện E thụ lý và giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa Bà H và Ông A là đúng thẩm quyền xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Khánh A tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 07/01/2008 là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và lời trình bày của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: Bà H và Ông A chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột, thiếu sự tôn trọng thương yêu nhau. Như vậy, xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Các đương sự thỏa thuận: Giao con chung Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 và Vương Khả Khánh T, sinh ngày 08/8/2013 cho bà Nguyễn Thị

H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Mặt khác, con chung Vương Khánh N có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung*: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Vương Khánh A có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, Ông A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] *Về tài sản chung và công nợ chung*: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003430 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: 1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vương Khánh A.

2. *Về con chung*: Giao con chung Vương Khánh N, sinh ngày 12/12/2008 và Vương Khả Khánh T, sinh ngày 08/8/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Ông Vương Khánh A có quyền đi lại thăm nom các con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, Ông A không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của các con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003430 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện E.
- Chi cục THADS huyện E.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Nhã Phương